

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học 2025 - 2026

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên trường: Trường Tiểu học Trần Quang Khải
- Địa chỉ: Tổ dân phố Hào Thôn, phường Mỹ Lộc, tỉnh Ninh Bình.
- Số điện thoại: 0948443556
- Email: tieuhoctranquangkhai.myloc@gmail.com
- Website: thtranquangkhai.ninhbinh.edu.vn
- Cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân phường Mỹ Lộc
- Loại hình : Trường công lập
- Sứ mệnh: Xây dựng môi trường học tập thân thiện, hợp tác, nề nếp, kỷ luật và chất lượng tốt để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo.
- Tầm nhìn “Trở thành một trường uy tín, chương trình đào tạo đạt chuẩn, mang đến môi trường giáo dục tận tâm và phát triển toàn diện cho mỗi học sinh”.
- Mục tiêu đào tạo: “Giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức và trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động, sáng tạo, ý chí vươn lên và khả năng thích ứng cao”. Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.
- Người đại diện: Hiệu trưởng Trần Thị Thúy Hòa. SĐT: 0948443556
- Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:
 - + Trường Tiểu học Trần Quang Khải được thành lập vào năm 2013. Đến tháng 02 năm 2026 trường được sáp nhập với trường tiểu học Mỹ Thành thành trường tiểu học Trần Quang Khải mới theo quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của UBND phường Mỹ Lộc, là đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc UBND phường Mỹ Lộc, trường có 2 khu: trụ sở chính là khu A tại tổ dân phố Hào Thôn, phường Mỹ Lộc, khu lẻ là khu B có địa chỉ Tổ dân phố Phấn Đài, phường Mỹ Lộc.

Năm 2024 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2; Kiểm định chất lượng mức độ 3 “Xanh-Sạch - Đẹp - An toàn”. Trường là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng; thực hiện chương trình giáo dục tiểu học do Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành trên địa bàn

phường Mỹ Lộc.

+ Xây dựng, phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo và nhiệm vụ phát triển giáo dục của địa phương. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

- Số lớp, số học sinh: Nhà trường có 21 lớp với 677 học sinh.

II. ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	CĐ
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	39													
A	Giáo viên	32			32					26	4	12	20		
	Giáo viên văn hóa	21			21				0	26	4	9	12		
	Giáo viên chuyên:	11			11					4	2	3	8		
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	3			3					2	1	1	1		
3	Tin học	2			2					1	1	0	2		
4	Âm nhạc	2			2					2			2		
5	Mỹ thuật	2			2					2		1	1		
6	GDTC	2			2					2		1	1		
B	Cán bộ quản lý	2			2						2	2			
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2	2			
C	Nhân viên	4			2		2								
1	Nhân viên kế toán	4			2				1	1					
2	Nhân viên y tế	1				1			1						
3	Nhân viên Văn thư	1					1								

II. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
1	Số phòng học/số lớp	21/21	
2	Loại phòng học	21	
	Phòng học kiên cố	21/21	
3	Số điểm trường lẻ	01	

4	Tổng diện tích đất (m ²)	12588	18,59 m ² /HS
5	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	5000	6,6 m ² /HS
6	Tổng diện tích các phòng (m ²)	1048	
6.1	Diện tích phòng học (m ²)	1048	48 m ² /lớp, 52 m ² /lớp
6.2	Diện tích thư viện (m ²)	206	
6.3	Diện tích phòng học tin học (m ²)	100	
7	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	40	
8	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
8.1	Ti vi	29	
8.2	Cát xét	1	
8.3	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	9	

9	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	
			Chung	Nam/Nữ
9.1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	0	4
9.2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	1	0	4

		Có	Không
10	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
11	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
12	Kết nối internet	X	
13	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
14	Tường rào xây	X	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC:

- Nhà trường được UBND tỉnh Nam Định công nhận chuẩn quốc gia mức độ 2 theo QĐ số 1216/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2018, Sở Giáo dục Đào tạo tỉnh Nam Định công nhận xanh – sạch – đẹp theo QĐ số 1124/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2018.

- Tháng 3 năm 2024, nhà trường được UBND tỉnh Nam Định công nhận chuẩn quốc gia mức độ 2 theo QĐ số 558/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024, Sở Giáo dục Đào tạo tỉnh Nam Định công nhận KĐCL mức độ 3 theo QĐ số 520/QĐ-SGDĐT ngày 25 tháng 3 năm 2024; công nhận xanh – sạch – đẹp theo QĐ số 521/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2024.

- Năm học 2025-2026, nhà trường tiếp tục thực hiện Kế hoạch cải tiến chất lượng để duy trì trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2, KĐCL mức độ 3 giai đoạn 2025-2030

và tích cực tham mưu tu sửa cơ sở vật chất để đảm bảo điều kiện đề nghị công nhận trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2 giai đoạn 2030 -2035. Cụ thể:

*** Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

Tiêu chí	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	---
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	---
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	---
Tiêu chí 1.8		X	X	---
Tiêu chí 1.9		X	X	---
Tiêu chí 1.10		X	X	---

Kết luận tiêu chuẩn 1: Đạt mức 3

*** Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh**

Tiêu chí	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X

Kết luận tiêu chuẩn 2: Đạt mức 3

*** Tiêu chuẩn 3. Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

Tiêu chí	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	---
Tiêu chí 3.5		X	X	X

Tiêu chí 3.6		x	x	x
--------------	--	---	---	---

Kết luận: Tiêu chuẩn 3: Đạt mức 3

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Tiêu chí	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x

Kết luận: Tiêu chuẩn 4 đạt mức 3

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Tiêu chí	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 5.1		x	x	---
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x
Tiêu chí 5.5		x	x	x

Kết luận: Tiêu chuẩn 5 đạt mức 3

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Năm học 2025 - 2026, nhà trường tiếp tục thực hiện các quy định về chuyên môn, đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường công tác dự giờ, duy trì sinh hoạt chuyên môn tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn do ngành tổ chức; nâng cao chất lượng học sinh năng khiếu để các phong trào, hội thi đạt hiệu quả cao hơn.

Bên cạnh đó, nhà trường chủ động rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC CUỐI NĂM HỌC 2025-2026

Nội dung tiêu chí	Số	TS HS ĐG	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
I. Kết quả học tập												
I. Tiếng Việt	677	677	137	100.00%	118	100.00%	135	100.00%	122	100.00%	165	100.00%
Hoàn thành tốt		406	89	64.96%	74	62.71%	83	61.48%	67	54.92%	93	56.36%
Hoàn thành		268	45	32.85%	44	37.29%	52	38.52%	55	45.08%	72	43.64%

Chưa hoàn thành		3	3	2.19%	0		0		0		0	
2. Toán	677	677	137	100.00%	118	100.00%	135	100.00%	122	100.00%	165	100.00%
Hoàn thành tốt		431	104	75.91%	71	60.17%	83	61.48%	72	59.02%	101	61.21%
Hoàn thành		243	30	21.90%	47	39.83%	52	38.52%	50	40.98%	64	38.79%
Chưa hoàn thành		3	3	2.19%	0		0		0		0	
3. Khoa học	677	287	Không						122	100.00%	165	100.00%
Hoàn thành tốt		198							77	63.11%	121	73.33%
Hoàn thành		89							45	36.89%	44	26.67%
Chưa hoàn thành									0		0	
4. Lịch sử và Địa lý	365	287							122	100.00%	165	100.00%
Hoàn thành tốt		168							74	60.66%	94	56.97%
Hoàn thành		119							48	39.34%	71	43.03%
Chưa hoàn thành									0		0	
5. Tiếng Anh	168	554	68	49.64%	64	54.24%	135	100.00%	122	100.00%	165	100.00%
Hoàn thành tốt		328	44	32.12%	40	33.90%	83	61.48%	73	59.84%	88	53.33%
Hoàn thành		225	23	16.79%	24	20.34%	52	38.52%	49	40.16%	77	46.67%
Chưa hoàn thành		1	1	0.73%	0		0		0		0	
6. Đạo đức	677	677	137	100.00%	118	100.00%	135	100.00%	122	100.00%	165	100.00%
Hoàn thành tốt		543	111	81.02%	95	80.51%	109	80.74%	94	77.05%	134	81.21%
Hoàn thành		133	25	18.25%	23	19.49%	26	19.26%	28	22.95%	31	18.79%
Chưa hoàn thành		1	1	0.73%	0		0		0		0	
TN và XH	390	390	137	100.00%	118	100.00%	135	100.00%				
Hoàn thành tốt		278	96	70.07%	84	71.19%	98	72.59%				
Hoàn thành		111	40	29.20%	34	28.81%	37	27.41%				
Chưa hoàn thành		1	1	0.73%	0		0					
8. Âm nhạc	677	677	137	100.00%	118	100.00%	135	100.00%	122	100.00%	165	100.00%
Hoàn thành tốt		452	103	75.18%	80	67.80%	79	58.52%	79	64.75%	111	67.27%
Hoàn thành		225	34	24.82%	38	32.20%	56	41.48%	43	35.25%	54	32.73%
Chưa hoàn thành			0		0		0		0		0	
9. Mĩ thuật	677	677	137	100.00%	118	100.00%	135	100.00%	122	100.00%	165	100.00%
Hoàn thành tốt		439	95	69.34%	81	68.64%	87	64.44%	74	60.66%	102	61.82%
Hoàn thành		238	42	30.66%	37	31.36%	48	35.56%	48	39.34%	63	38.18%
Chưa hoàn thành			0		0		0		0		0	

10. TH-CN (CN)	422	422	Không				135	100.00%	122	100.00%	165	100.00%
Hoàn thành tốt		289					98	72.59%	85	69.67%	106	64.24%
Hoàn thành		133					37	27.41%	37	30.33%	59	35.76%
Chưa hoàn thành							0		0		0	
11. TH-CN (Tin học)	422	422					135	100.00%	122	100.00%	165	100.00%
Hoàn thành tốt		258					85	62.96%	78	63.93%	95	57.58%
Hoàn thành		164					50	37.04%	44	36.07%	70	42.42%
Chưa hoàn thành							0		0		0	
12. Giáo dục TC	677	677	137	100.00%	118	100.00%	135	100.00%	122	100.00%	165	100.00%
Hoàn thành tốt		465	100	72.99%	81	68.64%	92	68.15%	81	66.39%	111	67.27%
Hoàn thành		212	37	27.01%	37	31.36%	43	31.85%	41	33.61%	54	32.73%
Chưa hoàn thành			0		0		0		0		0	
13. Hoạt động TN	677	677	137	100.00%	118	100.00%	135	100.00%	122	100.00%	165	100.00%
Hoàn thành tốt		507	107	78.10%	89	75.42%	106	78.52%	81	66.39%	124	75.15%
Hoàn thành		170	30	21.90%	29	24.58%	29	21.48%	41	33.61%	41	24.85%
Chưa hoàn thành			0		0		0		0		0	
II. Năng lực cốt lõi												
1. Tự chủ và tự học	677	677	137	100.00%	118	100.00%	135	100.00%	122	100.00%	165	100.00%
Tốt		504	110	80.29%	88	74.58%	99	73.33%	84	68.85%	123	74.55%
Đạt		170	24	17.52%	30	25.42%	36	26.67%	38	31.15%	42	25.45%
Cần cố gắng		3	3	2.19%	0		0		0		0	
2. GT& hợp tác	677	677	137	100.00%	118	100.00%	135	100.00%	122	100.00%	165	100.00%
Tốt		528	110	80.29%	88	74.58%	105	77.78%	83	68.03%	142	86.06%
Đạt		148	26	18.98%	30	25.42%	30	22.22%	39	31.97%	23	13.94%
Cần cố gắng		1	1	0.73%	0		0		0		0	
3. GQVĐ và ST	677	677	137	100.00%	118	100.00%	135	100.00%	122	100.00%	165	100.00%
Tốt		437	98	71.53%	83	70.34%	84	62.22%	77	63.11%	95	57.58%
Đạt		237	36	26.28%	35	29.66%	51	37.78%	45	36.89%	70	42.42%
Cần cố gắng		3	3	2.19%	0		0		0		0	
4. Ngôn ngữ	677	677	137	100.00%	118	100.00%	135	100.00%	122	100.00%	165	100.00%
Tốt		430	94	68.61%	87	73.73%	87	64.44%	69	56.56%	93	56.36%
Đạt		244	40	29.20%	31	26.27%	48	35.56%	53	43.44%	72	43.64%
Cần cố gắng		3	3	2.19%	0		0		0		0	

5. Tính toán	677	677	137	100.00%	118	100.00%	135	100.00%	122	100.00%	165	100.00%
Tốt		470	112	81.75%	95	80.51%	84	62.22%	78	63.93%	101	61.21%
Đạt		204	22	16.06%	23	19.49%	51	37.78%	44	36.07%	64	38.79%
Cần cố gắng		3	3	2.19%	0		0		0		0	
6. Khoa học	677	677	137	100.00%	118	100.00%	135	100.00%	122	100.00%	165	100.00%
Tốt		487	99	72.26%	96	81.36%	94	69.63%	78	63.93%	120	72.73%
Đạt		189	37	27.01%	22	18.64%	41	30.37%	44	36.07%	45	27.27%
Cần cố gắng		1	1	0.73%	0		0		0		0	
7. Công nghệ	422	422	Không				135	100.00%	122	100.00%	165	100.00%
Tốt		272					90	66.67%	76	62.30%	106	64.24%
Đạt		150					45	33.33%	46	37.70%	59	35.76%
Cần cố gắng							0		0		0	
8. Tin học	422	422					135	100.00%	122	100.00%	165	100.00%
Tốt		258					88	65.19%	75	61.48%	95	57.58%
Đạt		164					47	34.81%	47	38.52%	70	42.42%
Cần cố gắng							0		0		0	
9. Thẩm mỹ	677	677	137	100.00%	118	100.00%	135	100.00%	122	100.00%	165	100.00%
Tốt		455	97	70.80%	90	76.27%	91	67.41%	75	61.48%	102	61.82%
Đạt		222	40	29.20%	28	23.73%	44	32.59%	47	38.52%	63	38.18%
Cần cố gắng			0		0		0		0		0	
10. Thể chất	677	677	137	100.00%	118	100.00%	135	100.00%	122	100.00%	165	100.00%
Tốt		477	100	72.99%	93	78.81%	94	69.63%	79	64.75%	111	67.27%
Đạt		200	37	27.01%	25	21.19%	41	30.37%	43	35.25%	54	32.73%
Cần cố gắng			0		0		0		0		0	
III. PC chủ yếu												
1. Yêu nước	677	677	137	100.00%	118	100.00%	135	100.00%	122	100.00%	165	100.00%
Tốt		630	134	97.81%	118	100.00%	111	82.22%	112	91.80%	155	93.94%
Đạt		47	3	2.19%	0	0.00%	24	17.78%	10	8.20%	10	6.06%
Cần cố gắng			0		0		0		0		0	0.00%
2. Nhân ái	677	677	137	100.00%	118	100.00%	135	100.00%	122	100.00%	165	100.00%
Tốt		606	130	94.89%	110	93.22%	114	84.44%	99	81.15%	153	92.73%
Đạt		71	7	5.11%	8	6.78%	21	15.56%	23	18.85%	12	7.27%
Cần cố gắng			0		0		0		0		0	0.00%

3. Chăm chỉ	677	677	137	100.00%	118	100.00%	135	100.00%	122	100.00%	165	100.00%
Tốt		493	112	81.75%	92	77.97%	99	73.33%	76	62.30%	114	69.09%
Đạt		184	25	18.25%	26	22.03%	36	26.67%	46	37.70%	51	30.91%
Cần cố gắng			0		0		0		0		0	0.00%
4. Trung thực	677	677	137	100.00%	118	100.00%	135	100.00%	122	100.00%	165	100.00%
Tốt		565	115	83.94%	105	88.98%	109	80.74%	89	72.95%	147	89.09%
Đạt		112	22	16.06%	13	11.02%	26	19.26%	33	27.05%	18	10.91%
Cần cố gắng			0		0		0		0		0	
5. Trách nhiệm	677	677	137	100.00%	118	100.00%	135	100.00%	122	100.00%	165	100.00%
Tốt		540	113	82.48%	104	88.14%	108	80.00%	82	67.21%	133	80.61%
Đạt		137	24	17.52%	14	11.86%	27	20.00%	40	32.79%	32	19.39%
Cần cố gắng			0		0		0		0		0	
IV. Đánh giá KQGD	677	677	137	100.00%	118	100.00%	135	100.00%	122	100.00%	165	100.00%
- Hoàn thành xuất sắc		222	52	37.96%	42	35.59%	44	32.59%	34	27.87%	50	30.30%
- Hoàn thành tốt		142	29	21.17%	24	20.34%	26	19.26%	30	24.59%	33	20.00%
- Hoàn thành		310	53	38.69%	52	44.07%	65	48.15%	58	47.54%	82	49.70%
- Chưa hoàn thành		3	3	2.19%	0		0		0		0	
V. Khen thưởng	677	381	81	59.12%	67	56.78%	70	51.85%	69	56.56%	94	56.97%
- Giấy khen cấp trường		364	81	59.12%	66	55.93%	70	51.85%	64	52.46%	83	50.30%
- Giấy khen cấp trên		17	0		1	0.85%	0		5	4.10%	11	6.67%
VI. CT lớp học	677	677										
Hoàn thành		674	134	97.81%	118	100.00%	135	100.00%	122	100.00%	165	100.00%
Chưa hoàn thành		3	3	2.19%								

III. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH: Từ tháng 9/2025 đến tháng 5/2026

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Học kỳ I	Học kỳ II	Tổng số thu	Số đề nghị quyết toán
A	Quyết toán nguồn thu được để lại	403,738,000	784,118,000	1,187,856,000	1,187,856,000
B	Quyết toán nguồn chi được để lại	403,738,000	784,118,000	1,187,856,000	1,187,856,000

I	Chi sự nghiệp giáo dục	403,738,000	784,118,000	1,187,856,000	1,187,856,000
1	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	2,760,000	6,590,000	9,350,000	9,350,000
1.2	Coi xe	2,760,000	6,590,000	9,350,000	9,350,000
2	Hoạt động sự nghiệp khác	400,978,000	777,528,000	1,178,506,000	1,178,506,000
2.1	CLB Kỹ năng sống	0	0	0	0
2.2	Vệ sinh	25,128,000	60,390,000	85,518,000	85,518,000
2.3	Lần đầu bán trú	33,900,000	0	33,900,000	33,900,000
2.4	Tiếng Anh	0	0	0	0
2.5	Nước uống	13,960,000	33,550,000	47,510,000	47,510,000
2.6	Sổ liên lạc điện tử	23,520,000	0	23,520,000	23,520,000
2.7	Suất ăn bán trú	239,250,000	517,682,000	756,932,000	756,932,000
2.8	Quản lý chăm sóc Bán trú	65,220,000	165,906,000	231,126,000	231,126,000

V. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Thực hiện chương trình và đảm bảo chất lượng giáo dục tiểu học

1.1. Công tác giáo dục đạo đức học sinh

* Ưu điểm

Phát huy vai trò của các tổ chức trong nhà trường, cộng đồng dân cư trong việc phối hợp xây dựng môi trường giáo dục và giáo dục đạo đức học sinh.

Triển khai tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế, giáo dục truyền thống lịch sử địa phương. Lòng ghép chương trình tìm hiểu về truyền thống Lịch sử địa phương thông qua Hành trình về nguồn với nhiều hoạt động phong phú.

Làm tốt công tác giáo dục ý thức vì cộng đồng, bảo vệ môi trường thông qua các hoạt động lao động công ích: Chiến binh xanh; Công trình măng non...

Thực hiện đầy đủ chương trình môn Đạo đức chính khóa, đồng thời tích hợp, lồng ghép các nội dung giáo dục đạo đức trong các môn học, hoạt động giáo dục.

Đổi mới, đa dạng các hình thức tổ chức Sinh hoạt dưới cờ: Tổ chức hoạt động Hội học, Rung chuông vàng, Văn nghệ, Tài năng tiếng Anh, ...

Tổ chức tốt các ngày lễ và kỉ niệm lớn trong năm học: Ngày Khai giảng, Trung thu, Noen; Ngày Nhà giáo Việt Nam; thành lập Đội thiếu niên.

Đánh giá chung:

Thông qua giảng dạy môn Đạo đức và các hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, các hoạt động giáo dục địa phương, hoạt động thiện nguyện học sinh đã có hiểu biết ban đầu về một số chuẩn mực hành vi đạo đức phù hợp với lứa tuổi trong quan hệ của các em với bản thân, gia đình, nhà trường, xã hội và môi trường tự nhiên; từng bước hình thành kĩ năng nhận xét, đánh giá hành vi của bản thân và những người xung quanh theo chuẩn mực đã học, từ đó biết thực hiện các hành vi ứng xử phù hợp; giúp học sinh có một số kĩ năng sống cần thiết như: Kĩ năng giao tiếp, năng lực thích ứng với cuộc sống, kĩ năng giải quyết vấn đề. Từng bước giúp học sinh hình thành và phát triển toàn diện các năng lực, phẩm chất theo quy định trong chương trình GDPT 2018.

* Kết quả: 100% học sinh được đánh giá đạt và tốt về từng năng lực, từng phẩm chất; 100% học sinh thực hiện tốt “Nội quy học sinh” của trường, “Nội quy lớp học” của từng lớp; Học sinh thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy; Nhiều học sinh đạt thành tích cao trong các cuộc thi

1.2. Công tác nâng cao chất lượng dạy và học

a) Công tác xây dựng Kế hoạch giáo dục, Kế hoạch môn học

- Cập nhật đầy đủ các văn bản chỉ đạo của các cấp.

- Công tác xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch tổ nhóm chuyên môn, kế hoạch cá nhân: đảm bảo thực hiện đầy đủ nội dung các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, lựa chọn nội dung giáo dục tự chọn và xây dựng các hoạt động giáo dục phù hợp với nhu cầu của học sinh và điều kiện của lớp của nhà trường; đảm bảo tính chủ động, thích ứng linh hoạt, đặc biệt chú trọng tích hợp nội dung Giáo dục STEM, STEAM trong chương trình các môn chủ đạo ở các khối lớp.

- Nhà trường, tổ chuyên môn và cá nhân đã xây dựng các kế hoạch năm học theo đúng các văn bản hướng dẫn bám theo nhiệm vụ trọng tâm của năm học. Các kế hoạch đảm bảo tính thống nhất và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

b) Nền nếp kỷ cương, hồ sơ chuyên môn

- Thực hiện kỉ cương, nền nếp, chất lượng dạy học

Triển khai thực hiện nghiêm túc các công văn hướng dẫn của Sở GD&ĐT, của Phòng VH-XH, UBND phường về thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026.

Giáo viên thực hiện nghiêm túc kỷ cương, nền nếp dạy học, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động giáo dục trong nhà trường, trong đó coi trọng nền nếp làm việc đúng giờ, nền nếp chuẩn bị bài dạy, tinh thần trách nhiệm cao với học sinh trong từng bài dạy, từng hoạt động giáo dục.

100% giáo viên được học tập nhiệm vụ năm học mới, xây dựng và thực hiện

“Nội quy trường học” và “Bản cam kết của phụ huynh học sinh với nhà trường”; Phổ biến, quán triệt và kiểm tra việc thực hiện các quy định của Sở GDĐT về nền nếp, hồ sơ chuyên môn đối với giáo viên trong năm học.

Giáo viên có đầy đủ hồ sơ, sổ sách theo quy định. Các KH được cập nhật kịp thời

Quản lý hồ sơ trên hệ thống VnEdu: Kế hoạch bài dạy, Kế hoạch chuyên môn; Sổ chủ nhiệm và tổng hợp kết quả giáo dục; sổ Đăng bộ...

- Thực hiện sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn

Các tổ nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch sinh hoạt chuyên môn theo đúng quy định. Định kỳ, mỗi tháng 02 lần sinh hoạt chuyên môn. Đưa sinh hoạt chuyên môn trở thành hoạt động thường xuyên có chất lượng.

Tiếp tục tổ chức hiệu quả sinh hoạt chuyên môn theo NCBH tại các tổ, khối; tích cực tham gia SHCM trong cụm trường;

Đưa sinh hoạt chuyên môn trở thành hoạt động thường xuyên có chất lượng. Các buổi SHCM tập trung vào các nội dung: Dự giờ, nghiên cứu bài học; Vận dụng những thành tố tích cực của các mô hình dạy học vào đổi mới PPDH; Tổ chức hội thảo chia sẻ kinh nghiệm dạy học theo CT-SGK mới; triển khai đại trà giáo dục STEM, STEAM ở các khối lớp.

Nâng cao chất lượng bồi dưỡng thường xuyên thông qua các hoạt động tự bồi dưỡng, khai thác có chọn lọc chương trình, nội dung tiện ích trên Internet, sách báo, tạp chí nhằm phục vụ việc nâng cao chất lượng dạy và học.

* Đánh giá chung: Nhà trường đã nghiêm túc thực hiện kỉ cương, nền nếp và chất lượng dạy học.

c) Thực hiện đổi mới PPDH theo hướng vận dụng những thành tố tích cực của các mô hình dạy học nhằm phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

- Giáo viên tích cực đổi mới phương pháp, vận dụng linh hoạt những thành tố tích cực của các mô hình dạy học nhằm phát triển năng lực phẩm chất người học. Giáo viên nắm chắc quy trình lên lớp, các hình thức tổ chức dạy học chú trọng sự chia sẻ, trải nghiệm của học sinh trên lớp. Thực hiện tốt kĩ thuật học nhóm. GV tích cực ứng dụng CNTT vào dạy học

- Nhà trường đã tổ chức tập huấn các chuyên đề về công tác chủ nhiệm, tạo động lực học cho HS, xây dựng hệ thống trò chơi trong các giờ học.

- Triển khai giáo dục STEM, STEAM

+ Xây dựng kế hoạch tập huấn và triển khai các hoạt động GD STEM, STEAM

+ Triển khai lồng ghép, bổ sung nội dung các bài học về GD STEM, STEAM vào Kế hoạch chuyên môn của tổ/ khối đảm bảo hiệu quả, phù hợp.

+ Tổ chức dạy các chủ đề STEM theo đăng kí

Trong năm học, nhà trường đã triển khai đầy đủ các chủ đề giáo dục STEM theo đúng kế hoạch.

Hạn chế:

Việc đổi mới PPDH chưa đồng đều giữa các giáo viên.

Đánh giá chung: Giáo viên chủ động, tích cực vận dụng các PPDH tích cực trong giảng dạy. Các giờ học đa dạng về hình thức tổ chức. Giáo viên đóng vai trò hướng dẫn, học sinh chủ động, sáng tạo, mạnh dạn, tự tin khám phá kiến thức.

Ứng dụng CNTT trong dạy học đạt hiệu quả cao.

d) Đánh giá học sinh theo TT 27/2020/TT-BGDĐT

Hoạt động đánh giá thường xuyên được thực hiện hàng ngày, ở các môn học. Phối hợp tốt với PHHS trong việc đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

Tăng cường hoạt động kiểm tra đánh giá thường xuyên trên sách, vở, sản phẩm của học sinh.

Đánh giá chung

GV thực hiện nghiêm túc việc đánh giá học sinh. Huy động được sự tham gia của nhiều lực lượng trong việc đánh giá trẻ. HS biết cách đánh giá bản thân và đánh giá bạn bè.

đ. Sinh hoạt chuyên môn, công tác tự học tự bồi dưỡng của GV

100% giáo viên có KH bồi dưỡng thường xuyên

GV chủ động, tích cực dự giờ, thăm lớp, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Tham gia tích cực các buổi SHCM của trường, cum, sở GDĐT.

Việc tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên trong năm còn gặp khó khăn do rất nhiều nội dung công việc cần quan tâm.

e) Dạy học Tiếng Anh, Tin học;

100% học sinh lớp 3,4,5 được học môn Tiếng Anh chương trình 4 tiết/ tuần.

100% học sinh lớp 3,4,5 được học môn Tin học chương trình 2 tiết/ tuần

Học sinh lớp 1,2 khu A được học 2 tiết tiếng Anh/tuần.

Học sinh lớp 1,2 khu A được học 1 tiết Tin học/tuần (làm quen).

g) Nâng cao chất lượng đầu yếu:

Khảo sát, phân loại học sinh, giáo viên lên kế hoạch giúp đỡ học sinh yếu kém trong quá trình học tập các môn học và hoạt động giáo dục ngay từ đầu năm học.

+ Lập danh sách học sinh yếu của từng lớp, từng khối để xây dựng kế hoạch kiểm tra, theo dõi học sinh yếu hàng tháng và giao giáo viên phụ đạo vào cuối giờ học, đặc biệt chú ý tới học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

+ Chỉ đạo các tổ chuyên môn quan tâm sát sao tới giáo viên mới trong việc rà soát kiến thức trọng tâm, cách rèn kỹ năng khi học sinh làm bài tổng hợp. Giáo viên phải tìm được nguyên nhân học chậm của học sinh để có biện pháp kèm cặp phù hợp.

- Động viên khen thưởng những giáo viên có kết quả tốt trong việc phụ đạo học sinh yếu kém.

f) Vở sạch chữ đẹp

- Triển khai đầy đủ các văn bản hướng dẫn viết chữ đúng đẹp
- Có kế hoạch viết chữ đẹp cho từng khối lớp.
- Hàng tháng tổ chức cho học sinh viết bài và đánh giá kịp thời
- Giáo viên tích cực luyện chữ

Năm học này, với định hướng về nội dung thi viết chữ đúng đẹp đã có thay đổi so với năm học trước, nhà trường đã chủ động bố trí nhân lực thành lập các đội tuyển học sinh có năng khiếu để đào tạo từ sớm, căn cứ quy định mới để rèn luyện các con học sinh nhằm giúp các con rèn chữ tốt hơn và đáp ứng việc phục vụ sân chơi tài năng cho các con học sinh từ cấp trường, cấp tỉnh.

h) Tổ chức và tham gia các sân chơi, hội thi, giao lưu

Tham gia đầy đủ, tích cực các sân chơi, hội thi, giao lưu do cấp trên tổ chức Nhà trường luôn quan tâm đến việc tổ chức và khuyến khích học sinh tham gia các sân chơi cũng như hội thi, giao lưu.

- Thi Viết chữ Đúng & Đẹp: Cấp tỉnh đạt 02 giải trong đó có 3 giải Ba
- Hùng biện Tiếng Anh: Có 2 em đi thi đạt giải Nhì cấp tỉnh
- Thi IOE có 01 em đạt giải Vàng quốc gia, 01 em giải Nhất tỉnh, 01 em giải Nhì tỉnh, 01 em Giải Ba tỉnh
- Thi TDTT: 7 học sinh đạt giải cấp phường: 03 Nhất, 04 Nhì. Có 2 em dự thi cấp tỉnh đạt giải Khuyến khích.
- Trạng nguyên Tiếng Việt: 01 học sinh đạt giải Nhất cấp tỉnh, 01 Nhì, 01 Ba.
- Thi vẽ tranh về phòng chống bạo lực học đường có 1 em giải Nhì, 01 em giải ba cấp phường, có 01 em giải Nhì được gửi bài tham gia cấp tỉnh.
- Thi vẽ tranh Chiếc ô tô mơ ước: 20 bài
- Thi Đại sứ văn hoá đọc có 9 em đạt xuất sắc cấp phường được phường chọn dự thi cấp tỉnh.
- 01 giải Nhì Hội thi Thiếu nhi Kể chuyện về Bác Hồ.

i) Triển khai thư viện

Thư viện nhà trường được công nhận là Thư viện tiên tiến năm 2021. Nhà trường có lịch đọc sách tại thư viện cho các khối lớp, đảm bảo khối 1-2 là 2 tiết/tháng. Khối 3- 4-5 là 1 tiết/tháng

Quan tâm đến việc phát triển văn hóa đọc trong nhà trường.

Tiếp tục triển khai “Thư viện thân thiện” trường Tiểu học theo Mô hình của Room to Read, phù hợp với điều kiện thực tế của trường. Bố trí nhân viên thư viện đúng chuyên môn làm công tác thiết lập và vận hành thư viện; dành thời lượng phù hợp cho tiết đọc

thư viện; đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện kĩ thuật, học liệu và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và tổ chức hoạt động thư viện; huy động sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng trong quá trình tổ chức hoạt động nhằm góp phần xây dựng văn hóa đọc trong nhà trường và cộng đồng.

Hoạt động lan tỏa văn hóa đọc trong nhà trường được chú trọng. Nhà trường triển khai các thư viện ngoài trời, các khu vực bàn ghế phục vụ việc đọc sách và học tập cho các con học sinh ngoài sân trường.

Phát động học sinh toàn trường cuộc thi đại sứ văn hóa đọc, rất nhiều em tham gia với chất lượng tốt, dự thi cấp phường có 9 em xuất sắc được dự thi cấp tỉnh.

1.3. Thực hiện chương trình SGK mới

- Cơ sở vật chất đầy đủ cho các khối lớp thực hiện chương trình 2018
- Giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học khoa học, hợp lý phù hợp với đặc điểm tình hình của lớp mình phụ trách; Soạn bài chi tiết; Ghi nhật ký, cập nhật các nội dung đánh giá góp ý về SGK.

- Tổ chức hiệu quả các buổi SHCM, dự giờ thăm lớp, kiểm tra việc đánh giá học sinh theo thông tư 27/2020/TT-BGDĐT.

- Tổ chức tốt các buổi hội thảo theo các chuyên đề do tổ chuyên môn xây dựng qua đó bồi dưỡng năng lực sư phạm cho giáo viên.

- Ban Giám hiệu cùng tiếp tục đồng hành với giáo viên các lớp trong việc thực hiện dạy học theo CT-SGK mới, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc về chuyên môn theo từng tuần.

- Hồ sơ chọn lựa sách bổ trợ và tham khảo đảm bảo theo đúng quy định.

1.4. Giáo dục văn thể mỹ, vệ sinh môi trường, An toàn giao thông, hoạt động ngoài giờ lên lớp:

- Xây dựng và quản lí tốt môi trường giáo dục thân thiện, lành mạnh, dân chủ, an toàn, chất lượng và bình đẳng.

- Duy trì củng cố hiệu quả trường học Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn theo mô hình Trường học sinh thái; Phát huy phong trào Chiến binh xanh và một phút làm sạch trường.

- Giáo viên tích hợp giáo dục môi trường trong các môn học, thực hiện đổi mới các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.

- Tăng cường các hoạt động lao động cho học sinh (tự phục vụ trong hoạt động bán trú, vệ sinh lớp học...); Tạo cơ hội cho học sinh thực hành thân thiện với môi trường (hoạt động trồng và chăm sóc cây, vườn thực nghiệm, tiết kiệm nguồn nước,... sáng chế những mô hình, sản phẩm phục vụ cuộc sống từ những vật liệu phế thải phù hợp với lứa tuổi học sinh tiểu học).

- Tổ chức tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm trong đội ngũ giáo viên toàn trường.

- Ngoài ra, các hoạt động NGLL của nhà trường rất phong phú với nhiều hoạt động:

- + Tết Trung thu xưa, học sinh được trải nghiệm Tết trung thu đậm hương vị truyền thống, trải nghiệm Hội chợ xưa và thưởng thức các tiết mục múa Lân sư rồng ngay trên lớp.
- + Hoạt động tri ân Thầy cô nhân Kỷ niệm Ngày NGVN được HS hưởng ứng
- Nâng cao chất lượng PCGDTH và xây dựng trường đạt chuẩn

1.5. Công tác phổ cập giáo dục:

Nhà trường có đủ hồ sơ phổ cập theo đúng quy định. Việc cập nhật các số liệu đảm bảo đúng tiến độ.

Tỉ lệ HS đi học đúng độ tuổi đạt cao. Nhà trường làm tốt việc duy trì sĩ số, động viên khuyến khích HS có hoàn cảnh khó khăn không bỏ học và làm tốt việc nâng đầu yếu, tỉ lệ trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 94.6%.

Tích cực, chủ động tham mưu với lãnh đạo chính quyền địa phương kiện toàn ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; xây dựng kế hoạch, tập trung mọi nguồn lực để củng cố, duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đạt mức độ 3, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định tại Luật Giáo dục 2026.

- Đối với giáo viên: Học tập nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm khi điều tra, vận động HS khuyết tật ra lớp học hòa nhập, đảm bảo số liệu thống kê, báo cáo chính xác; Kiểm tra nắm chắc diễn biến sĩ số hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng; Quan tâm kèm cặp học sinh có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ khuyết tật tạo mọi điều kiện để các em học tập (miễn giảm các khoản đóng góp).

2. Công tác đảm bảo an toàn trường học

- Công tác đảm bảo an toàn trường học: triển khai các biện pháp phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, phòng chống cháy nổ; an toàn giao thông; an toàn trên không gian mạng; phòng tránh đuối nước; bạo lực học đường: Căn cứ vào tình hình dịch bệnh từng thời điểm và thực hiện công văn chỉ đạo của cấp trên, nhà trường đã chỉ đạo cụ thể các biện pháp phòng chống dịch bệnh đảm bảo an toàn dịch bệnh.

- Trang bị đầy đủ phương tiện phòng cháy, chữa cháy. Rà soát, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống điện, quạt. Kiểm tra toàn bộ cây xanh, các dây phòng học, hệ thống cửa, tu sửa bổ sung cửa hỏng. Lắp đặt hệ thống camera an ninh toàn bộ trường. Yêu cầu học sinh và phụ huynh kí cam kết tham gia giao thông an toàn, chấp hành luật giao thông, học sinh kí cam kết không sử dụng tàng chửi, mua bán, đốt pháo nổ, an toàn đuối nước...

- Tổ chức ăn bán trú và việc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm: Nhà trường đã ký hợp đồng với công ty TNHH sản xuất Và Thương Mại AVA cung cấp suất ăn để tổ chức ăn bán trú cho học sinh. Ngay từ đầu năm học nhà trường đã xây dựng kế hoạch tổ chức ăn bán trú cho học sinh; thành lập tổ giám sát, thường xuyên giám sát thực phẩm tại công ty và giám sát xuất ăn tại trường; xây dựng kịch bản xử lý khi xảy ra ngộ độc thực phẩm. Công tác lưu mẫu thức ăn, kiểm thực bước 3 được thực hiện nghiêm túc và đảm bảo vệ sinh các phòng bán trú được quan tâm đặc biệt hàng ngày.

- Công tác giáo dục thể chất và y tế trường học:

Nhà trường duy trì nền nếp thực hiện tốt việc tập thể dục giữa giờ, chống mệt mỏi sau mỗi tiết học bằng các bài hoạt động giữa giờ theo quy định của Bộ GDĐT; tổ chức các hoạt động thể dục thể thao chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam; tổ chức và duy trì các câu lạc bộ TDTT như: Câu lạc bộ bóng bàn, câu lạc bộ cờ vua, Câu lạc bộ điền kinh...Nhà trường kí kết với công an phường và UBND phường về đề án số 03 (phòng chống ma túy)

3. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06: Nhà trường đã thực hiện đồng bộ dữ liệu về cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh toàn trường theo mã định danh lên phần mềm dữ liệu dân cư quốc gia.

- Triển khai, kết quả thí điểm sử dụng học bạ điện tử, học bạ số của nhà trường: 100% CBQL, giáo viên chủ nhiệm, nhân viên phụ trách CNTT tham gia lớp tập huấn về chuyển đổi số và làm học bạ số. Năm học 2025-2026 có 21/21 lớp thực hiện kí số học bạ điện tử.

- Triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số trong trường học theo bộ tiêu chí của Bộ GDĐT được PGD đánh giá:

+ Nhóm tiêu chí I: Chuyển đổi số trong dạy, học: đạt 86/100 điểm; đáp ứng mức độ 3.

+ Nhóm tiêu chí II: Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục: đạt 90/100 điểm; đáp ứng mức độ 3.

+ Kết quả chung: Mức độ 3.

- Xây dựng thiết bị dạy học số: Nhà trường đã xây dựng kế hoạch thực hiện chuyển đổi số trong đó yêu cầu mỗi giáo viên thiết kế ít nhất 4 học liệu số/năm học. Học liệu số của giáo viên được lưu trữ trong kho học liệu số của nhà trường để toàn trường cùng sử dụng.

4. Công tác thi đua, khen thưởng

- Xây dựng kế hoạch, phát động thi đua năm học 2025-2026: Nhà trường đã xây dựng kế hoạch thi đua và phát động các phong trào thi đua ngay từ đầu năm học.

- Việc phát động và triển khai các phong trào thi đua năm học 2025-2026; 100% CBGV tích cực hưởng ứng phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập” gắn với đẩy mạnh “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”.

- Các hoạt động chào mừng kỷ niệm 44 năm ngày Nhà giáo Việt Nam; công tác tuyên truyền, nhân rộng các điển hình tiên tiến; công tác khen thưởng: Tổ chức làm bưu thiếp chúc mừng, giao lưu văn nghệ giữa các lớp trong toàn trường; kỉ niệm 20/11, tuyên dương khen thưởng giáo viên có thành tích trong giảng dạy.

- Cuối năm học, căn cứ vào hướng dẫn thi đua của các cấp, căn cứ quy chế và tiêu chí thi đua đã thông qua trong hội nghị NGCBQLGDNLĐ ban thi đua nhà trường bình xét thi đua công bằng, khách quan, công khai kết quả thi đua trước hội đồng sư phạm nhà trường.

- Phong trào viết, vận dụng sáng kiến: Cán bộ , giáo viên tích cực nghiên cứu, viết, vận dụng sáng kiến. Năm học 2025-2026 có 5 sáng kiến được công nhận đạt cấp phường.

- Kết quả hưởng ứng các cuộc vận động, ủng hộ các quỹ: Trong năm học vừa qua CBGVNV nhà trường đã ủng hộ các quỹ 51.720.000đ đồng.

Trên đây là Báo cáo kết quả thường niên năm học 2025-2026 (Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) của trường Tiểu học Trần Quang Khải.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (b/c);
- Phòng VH-XH, UBND phường;
- Website của trường;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Thúy Hòa